TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 21/01/2019
V/v tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mai.

Ông Đặng Hoàng Mích.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Thái Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 477/2018/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Huỳnh Thị Ngọc D**, sinh năm: 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh **Võ Thanh P**, sinh năm: 1980 (Vắng mặt).

ĐKTT: ấp P, xã V, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp G, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/9/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh P chung sống với nhau vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Trong thời kỳ hôn nhân chị D và anh P chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã, anh P không lo cho gia đình. Chị D và anh P sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay.

Chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy chị D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị D khai, Chị D và anh P có 02 người con chung tên là: Võ Thị Thảo S, sinh ngày: 11/3/2001; Võ Thanh T, sinh ngày: 24/7/2006. Chị D yêu cầu nuôi hai con chung, chị yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh P nhưng anh P không đến Tòa án để giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị D.

Tại phiên tòa chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đối với anh P, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử, nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của chị D là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị D được tiếp tục nuôi 02 người con chung tên là: Võ Thị Thảo S, sinh ngày: 11/3/2001; Võ Thanh T, sinh ngày: 24/7/2006 cho đến khi hai con chung

đủ 18 tuổi, ghi nhận chị D tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các P liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Huỳnh Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Võ Thanh P và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Thị Thảo S, Võ Thanh T. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo xác nhận ngày 15/11/2018 của Công an xã Thới Lai, huyện Bình Đại. Anh Võ Thanh P có cư trú tại: ấp G, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre và hiện đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đến phiên tòa xét xử nhưng anh Võ Thanh P vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xát xử vắng mặt anh Võ Thanh P.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh P chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 01 ngày 04/7/2000 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Bến Tre cấp. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, anh P không lo cho gia đình, sự việc được gia đình hai bên hòa giải khuyên ngăn nhưng chị D và anh P vẫn sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho chị D và anh P hàn gắn tính cảm nhưng những lần hòa giải anh P đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh P đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này và mâu thuẫn hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh P.

Về con chung: Chị D và anh P có 02 người con chung tên là: Võ Thị Thảo S, sinh ngày: 11/3/2001; Võ Thanh T, sinh ngày: 24/7/2006. Chị D yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu Sương và cháu Tuấn đang sống chung với chị D vẫn đảm bảo tốt về thể chất lẫn tinh thần, các cháu cũng có nguyện vọng sống chung với chị D. Nhằm tránh xáo trộn cuộc sống của các cháu do đó giao cháu S và cháu Tuấn cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Sau khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này anh P có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì khởi kiện vụ án khác.

[5] Đối với lời phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc chị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Ngọc D đối với anh Võ Thanh P. Chị Huỳnh Thị Ngọc D được ly hôn với anh Võ Thanh P.

[2] Về con chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc D và anh Võ Thanh P có 02 người con chung tên là: Võ Thị Thảo S, sinh ngày: 11/3/2001; Võ Thanh T, sinh ngày: 24/7/2006.

Giao cháu Võ Thị Thảo S, Võ Thanh T cho chị Huỳnh Thị Ngọc D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị Huỳnh Thị Ngọc D tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Thanh P không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Huỳnh Thị Ngọc D.

Anh Võ Thanh P không trực tiếp nuôi con chung, lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Huỳnh Thị Ngọc D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Võ Thanh P.

Anh Võ Thanh P cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con chung của chị Huỳnh Thị Ngọc D.

Chị Huỳnh Thị Ngọc D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Võ Thanh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con .

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này anh P có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì khởi kiện vụ án khác.

[5] Về án phí sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc chị Huỳnh Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Huỳnh Thị Ngọc D đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0019383 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Chị Huỳnh Thị Ngọc D đã nộp đủ án phí.

[6] Về quyền kháng cáo:

Chị Huỳnh Thị Ngọc D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Võ Thanh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Vang Quới Đông, huyện Bình Đại;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THAD huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Quang Hải